

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GD
TỈNH TN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24-7-2019

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình về ly hôn và nuôi con ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GD, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ninh;

2. Ông Trần Văn Rọi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXX-ST, ngày 26 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 16 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1980; địa chỉ cư trú: Tổ 02, ấp PB B, xã PT, huyện GD, tỉnh TN; địa chỉ liên lạc: Ấp PH, xã PT, huyện GD, tỉnh TN; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm: 1980; địa chỉ cư trú: Tổ 02, ấp PB B, xã PT, huyện GD, tỉnh TN; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29-3-2019 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn M chung sống với nhau từ năm 2003, có tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT. Nữ trang ngày cưới đã bán hết không còn. Sau khi kết hôn vợ chồng xây nhà trên phần đất cha mẹ chồng cho. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì pH sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh M thường xuyên ăn chơi cờ bạc gây nợ nần. Chị Nều lần khuyên chồng và tha thứ cho anh M nhưng anh không thay đổi. Khoảng tháng 10 năm 2018 chị có nộp đơn ra Tòa án yêu cầu ly hôn với anh M, anh M hứa sửa đổi nên chị rút đơn về nhưng lúc đó chị không biết anh M tham gia cờ bạc gây nợ số tiền 600.000.000 đồng -700.000.000 đồng. Sau khi rút đơn về thì pH hiện anh M nợ số tiền quá lớn, vợ chồng phải bán đất để trả nợ cờ bạc cho anh. Vì mất lòng tin với anh M, chị bỏ về ấp PH, xã PT, huyện GD, tỉnh TN sống. Anh M có tìm cách hàn gắn nhưng chị không đồng ý do vợ chồng làm dành dụm bao Nêu tiền phải trả nợ cờ bạc cho anh M. Vợ chồng không còn tình cảm nên chị yêu cầu ly hôn với anh M.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 02-7-2004 và Nguyễn M L, sinh ngày 03-3-2009. Hiện 02 cháu đang sống chung với chị. Chị yêu cầu nuôi hết 02 cháu, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung gồm nhà và đất, vợ chồng tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 02-4-2019 và biên bản hòa giải các ngày 28-4-2019, ngày 25-6-2019, anh Nguyễn Văn M trình bày:

Anh xác nhận chị H trình bày tất cả đều đúng trừ mâu thuẫn gia đình. Anh thừa nhận trước đây nghe lời rủ rê của bạn bè, có tham gia chơi cờ bạc gây nợ. Vợ chồng phải bán tài sản để trả nợ. Trước đây vợ có yêu cầu ly hôn, anh hứa không cờ bạc nên vợ rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ. Từ ngày rút đơn về cho đến nay thì anh không chơi cờ bạc, anh làm nghề cửa sắt có phụ tiền cho vợ lo cho gia đình nhưng không ổn định, có khi vài trăm ngàn cũng có khi 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng/tháng. Anh hối hận về việc cờ bạc của mình nên xin vợ tha thứ rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái nhưng vợ không đồng ý. Vợ chồng ly thân từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay, từ ngày ly thân anh có tìm cách hàn gắn gia đình nhưng vợ không đồng ý. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý, anh yêu cầu đoàn tụ.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H thì:

Về con chung: Anh đồng ý giao 02 con cho vợ tiếp tục nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có nhà và đất, để vợ chồng tự thỏa thuận, anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD pH biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân tham gia Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Chị H được ly hôn với anh M; giao chị H được nuôi con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 02-7-2004 và Nguyễn M L, sinh ngày 03-3-2009, ghi nhận chị H không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết; nợ chung: Anh chị khai không có. Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp chị H vắng mặt tại phiên tòa có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn M tự nguyện chung sống từ năm 2003, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị H có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị H thì thấy: Chị H cho rằng anh M ham mê cờ bạc gây nợ nần, phải bán tài sản của vợ chồng để trả nợ. Trước đây chị H đã nộp đơn yêu cầu ly hôn nhưng anh hứa từ bỏ cờ bạc nên chị rút đơn về đoàn tụ gia đình nhưng anh chị không hàn gắn được do chị không còn tin tưởng anh M nên nộp đơn yêu cầu được ly hôn với anh M. Ngược lại anh M cho rằng anh đã không còn tham gia cờ bạc, anh làm nghề cửa sắt có phụ tiền cho vợ lo cho gia đình nhưng thu nhập

không ổn định. Từ đó cho thấy anh chị không tin tưởng nhau, chị H không còn tình cảm với anh M, hơn nữa anh chị ly thân từ tháng 8 năm 2018, tuy anh M có tìm cách hàn gắn nhưng chị H không đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 02-7-2004 và Nguyễn M L, sinh ngày 03-3-2009. Hiện 02 cháu đang sống chung với chị H. Anh chị thống nhất để chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 cháu, anh M cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của hai cháu.

[5] Về tài sản chung: Anh chị không tranh chấp nên không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh chị yêu cầu nên không giải quyết.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[8] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 147, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H với anh Nguyễn Văn M. Chị H được ly hôn với anh M.

2. Về con chung: Giao chị H được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 02-7-2004 và Nguyễn M L, sinh ngày 03-3-2009. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh chị không tranh chấp nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H chịu 300.000 đồng án phí. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008957 ngày 29-3-2019 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD, chị H đã nộp đủ.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN. Chị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- CC THADS huyện GD;
- UBND xã **PT**;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

.....

.....

Trương Thị Bình